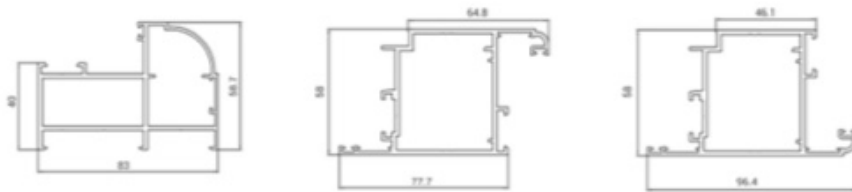


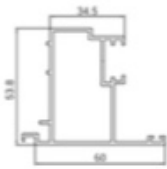
**MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỬA MỞ QUAY
NHÔM MAXPRO.JP - HỆ 83**



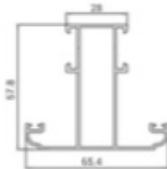
K/B CỬA ĐI	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8301	2.0mm	1.605

CÁNH ĐI MỞ TRONG	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8304	2.0mm	1.588

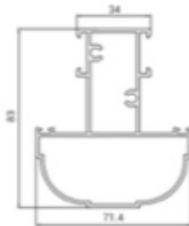
CÁNH ĐI MỞ NGOÀI	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8303	2.0mm	1.588



ĐÓ ĐỘNG SỐ, ĐI	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8306	1.7mm	0.950



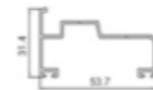
ĐÓ CHIA Ô CÁNH	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8308	1.2mm	0.871



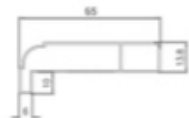
ĐÓ TÍNH FIX 83	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8307	1.4mm	1.423



NỐI KHUÔN 83	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8311	1.4mm	0.379

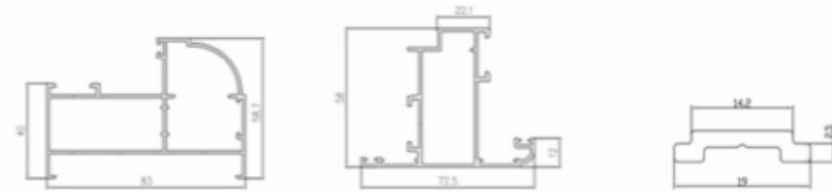


ỚP CHÂN CÁNH	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8309	1.1mm	0.417



NẾP CHỈ TƯỜNG	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-8317	1.0mm	0.205

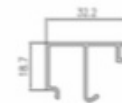
**MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỬA MỞ QUAY
NHÔM MAXPRO.JP - HỆ 83**



K/B CỬA SỐ 83	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8301A	1.2mm	1.095

CÁNH CỬA SỐ	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8305	1.4mm	1.041

THANH CHUYỀN ĐỒNG	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-P8307	1.4mm	1.367



NẾP KÍNH 8mm	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8314	1.0mm	0.272

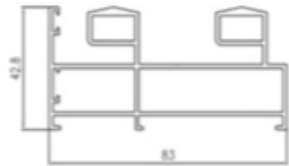


NẾP KÍNH HỘP	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8315	1.0mm	0.244

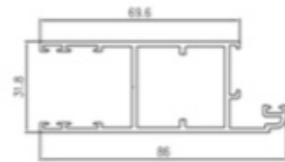


CHUYỀN GÓC	Mã	T(mm)	Kg/m
	JP-C8318	1.6mm	1.455

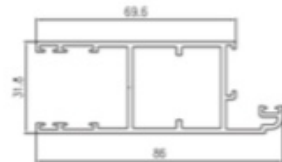
MẶT CẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỬA LÙA NHÔM MAXPRO.JP - HỆ 83



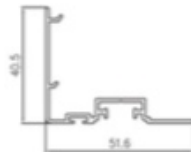
K/B	Mã	T(mm)	Kg/m
LÚA 83	JP-C8381	1.4mm	1.43



CÁNH ĐI	Mã	T(mm)	Kg/m
LÚA 83	JP-C8382	1.7mm	1.101



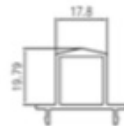
CỬA SỐ	Mã	T(mm)	Kg/m
LÚA 83	JP-C8382A	1.2mm	0.897



ỐP MỐC	Mã	T(mm)	Kg/m
LÚA 83	JP-C8384	1.1mm	0.39



NẾP KÍNH	Mã	T(mm)	Kg/m
LÚA 83	JP-C8383	1.0mm	0.157



ĐỐI DẦU	Mã	T(mm)	Kg/m
4 CÁNH	JP-C8387	1.4mm	0.376

CỬA SỐ MỞ QUAY 1 CÁNH NHÔM MAXPRO.JP - HỆ 58
HỆ PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU

